

895.922 803

ĐC

GI 113 Đ

HỊ NÃO kể
N TRI ghi

GIẤC ĐẾN NHÀ



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

GIẶC ĐẾN NHÀ

LÊ THỊ NẢO

978.12
978.12.12.12

GIẶC ĐẾN NHÀ

Nguyễn Yên Tri ghi

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

2024/ĐC/VV 001893

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
2003

149.14

Ngạn ngữ: "*Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh*"

Quê tôi là làng An Nhơn – có lúc đổi là Hòa Hiệp – thời nhà Nguyễn thuộc tổng An Thủy, tỉnh Biên Hòa, qua trào thuộc Pháp thì thuộc tổng An Thủy Đông, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định. (Theo sách *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn (quyển Biên Hòa)* của nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, làng An Nhơn thoát kì thủy là xóm Suối Sâu (tên chữ là xứ Thượng Tuyên: xứ *Ngọn Suối*) ít nhất thành lập trước năm 1836 (cách nay gần 200 năm)). Phía Đông làng tôi giáp các làng Tân Hạnh và Bình Trị; phía Tây và Bắc giáp Đông Tác và Chiêu Liêu; phía Nam giáp Tân Ninh (sau đổi là Tân Phước rồi Tân Hiệp). Hồi Nhật sắp vô (1940), chính quyền thực dân sáp nhập

các làng Hòa Hiệp, Đông Tác, Chiêu Liêu thành xã Tân Đông Hiệp (quận Thủ Đức, Gia Định).

Thời chín năm chống Pháp, từ năm 1951 đến Hiệp định Giơneó (7/1954)⁽¹⁾ do ta sắp xếp lại chiến trường, xã tôi thuộc tỉnh Thủ Biên. Dưới chế độ Sài Gòn, xã Tân Đông Hiệp nằm trong quận (mới lập) Dĩ An, tỉnh Biên Hòa. Về phía cách mạng, do yêu cầu của chiến trường từng thời kì, xã Tân Đông Hiệp có lúc thuộc huyện Bắc Thủ Đức, huyện Thủ – Dĩ (Gia Định), có lúc thuộc huyện Lái Thiêu (tỉnh Thủ Dầu Một), lúc thuộc huyện An Đức (phân khu 5)... Từ ngày đất nước thống nhất, An Nhơn tách khỏi xã Tân Đông Hiệp, nhập với hai làng Bình Trị và Tân Phước thành xã Tân Bình, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

Làng An Nhơn nằm giữa vùng đất gò khác hẳn các làng Tân Hạnh, Tân Ba, Hóa An... Ven sông Đồng Nai nhiều ruộng, địa hình tương đối bằng phẳng. Làng có nhiều rẫy thơm – bà con thường gọi rừng thơm (có nơi gọi *thơm* là *khóm, dứa*), cũng có rừng cây lớn

⁽¹⁾ Hiệp định Genève (Giơneó) (Bt).

chạy dài tít tấp qua Thuận-An-Hòa, Khánh Vân... nổi vào rừng đại ngàn Chiến khu Đ.

Vì làng ít ruộng nên phần đông dân An Nhơn không có ruộng, muốn cấy cà phải mượn ruộng nơi xa, hoặc đi làm mướn, nếu may mắn hơn thì được chủ điền cho cấy rẽ. Thuở tôi mới lớn, cả hai xóm của An Nhơn có chín mươi ba nóc gia. Một số ít nhà đủ ăn, phần đông thiếu đói vài tháng, mỗi năm trên vùng đất Nam kì huyền thoại *lắm cá nhiều tôm*. Áo quần nói chung mốc cời, đen dúa; mỗi người thường chỉ có bộ mặc, bộ giặt chớ ít ai có bộ thứ ba... Vải không mắc lắm, ngặt nổi không mấy ai dư dả tiền mua. Mặc quần áo vá là chuyện bình thường, mấy bà hay nhắc nhở dạy con gái từ nhỏ *"áo rách khéo vá hơn lành vụng may"* Trào Nhật khan hiếm vải, nhiều người phải mặc bao bố, trẻ con chín, mười tuổi phần nhiều ở truồng. Guốc gỗ không nhiều, phần đông bà con đi chân đất; chỉ những nhà khá giả mới mua giày dép. Cho nên gót chân mọi người lao động đen dúa nhám xì, nứt nẻ như mặt ruộng mùa khô; lớp da chân dày cộp, giá có đập trúng gai, chẳng sao. Cuộc đời người dân thời nô lệ cơ cực thế đó!

Pháp xâm lược nước ta, bọn thực dân tha hồ cướp đất mở đồn điền. Từ Thủ Đức qua Dĩ An lên Biên Hòa, Thủ Dầu Một... chúng mở nhiều *plăntaxiông*⁽¹⁾ (đồn điền) cao su. Ngay ở Tân Đông Hiệp, có sở Hội rộng cả mấy trăm mẫu. Các cụ già kể lại, bọn Tây cho tay chân vác máy đi đo, cắm đất “lấy không” mà chủ đất – phần lớn là nông dân ít ruộng – phải nín khe. Dân An Nhơn đi làm phu cạo mủ khá đông. Cũng có một số đàn ông trong làng làm thợ ở đê pô xe lửa Dĩ An. Không tới một chục hộ theo đuổi nghề mở vừa heo, buôn bán heo thịt. Họ mua heo từ Mĩ Tho, Gò Công, Cai Lậy lên, và gần đây từ miền Trung chở vào. Số heo con đem bán cho bà con trong vùng nuôi thành heo thịt.

An Nhơn có ba ngôi miếu: một cái của nhà ông Bảy Vẽ, một cái của họ Ngô, cái thứ ba là ngôi miếu cũ. Tôi nghe ông bà nói lại chớ mắt tôi không nhìn thấy miếu cũ vì lúc đó mình chưa ra đời. Một toán nghĩa quân của một tùy tướng dưới trướng Bình Tây đại nguyên soái Trương Định chống nhau với Pháp ở mạn dưới Cù Lao Phố, Biên Hòa rút

⁽¹⁾ Plantation (Bt).

chạy về đây. Giặc đuổi theo vây bắt, giết chết một số quân lính và cả dân làng rồi đốt tiêu ngôi miếu cũ. Nơi chôn cất các liệt sĩ và nạn nhân bị thảm sát sau thành nhĩ tì An Nhơn.

Hồi tôi đã biết (khoảng bảy, tám tuổi), dân làng chung tiền xây cất ngôi đình và nhà hội ở dốc An Nhơn. Nhà hội là nơi mấy ông trong ban hội tề làm việc, thu thuế. Cứ vào vụ thuế, trống nhà hội đóng dả thúc số đàn ông từ 18 tuổi trở lên ra nộp, ai thiếu bị đóng trăn (cùm), gia đình chạy nộp đủ mới được tha. Một số quá nghèo, trốn chui trốn nhủi trong rừng trong rẫy, hết vụ thuế mới dám ló ra, chỉ loanh quanh trong làng; nếu đi xa bị xét giấy thuế thân mà không có thì cầm chắc phú lít⁽¹⁾ (cảnh sát) bỏ tù mười lăm ngày.

Tôi ra đời năm Quý Hợi (1923). Các cụ bảo, tuổi này nói chung nhàn, chỉ nằm mà ăn; nhưng thực tế đời tôi truân chuyên, vất vả, ba chìm bảy nổi cho đến lúc nghỉ hưu.

Ông ngoại tôi là ông Bảy Cang (Trần Văn Cang), dân tá điền, mướn ruộng làm, đóng

⁽¹⁾ Police (Bt).

thóc trả cho chủ điền sau vụ gặt. Tuy không có điền sản như một số hương chức, song ông ngoại tôi có uy tín với dân. Từ chức sắc hạng dưới hương thân, hương quản, ông dần dần được cử làm hương chủ, hương cả đứng đầu làng. Năm tôi mười tuổi, đã có trí khôn đôi chút, có lần nghe bà ngoại thuật lại: ông bị bệnh mạch lươn, lỗ dò tái đi tái lại hoài. Hồi đó, ông làm hương quản đương chức, không ai trong làng dám xét nhà bắt tử, nhờ vậy ông ngoại tôi nuôi chứa một đôi vợ chồng *"di nấu về kho"* – bây giờ ta hiểu là họ hoạt động hội kín chống Pháp, xưa bà con quen gọi là Thiên Địa hội. Hai người ở trên chuồng bò; bà ngoại ngày ngày gánh nước cho họ tắm, nấu cơm bưng ra cho đôi vợ chồng nọ ăn một thời gian dài.

Tính ông ngoại tôi thẳng thắn, không ưa xảo trá. Sau này, khi đạo Cao Đài lan truyền tới Dĩ An, một số người theo Cao Đài thân Nhật nổi lên. Có lần họ đãi tiệc, ngay giữa buổi tiệc họ đãi, ông dám huych toẹt: "Ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối. Có cá không ăn lại lấy bắp chuối nấu kêu là cá, thịt không ăn lại ăn đậu hũ kêu là thịt..."

Là vợ hương chức hội tề có vai vế trong làng, trong xã nên bà ngoại tôi đi chợ thường mặc áo dài đen, đội chiếc thúng nhỏ đựng mấy thứ mua bán. Để giữ thể diện gia đình, ông bảo bà:

– Đi chợ Dĩ An mua gì thì bà xách hay gánh chớ đừng đội mà người ta kêu bà là bà *cả* Đội...

Bà tôi tuân lời ông.

Má tôi thứ tư, tên thiệt là Trần Thị Rỡ, hồi còn con gái, dân làng gọi là cô Năm Rỡ. Các cậu, các dì tôi đều làm phu cao su sở Hội ở ngay Tân Đông Hiệp.

Cùng là dân cạo, cha má tôi quen nhau rồi thương nhau. Thời đại nào cũng thế, tình yêu của tuổi trẻ thường nồng nàn, sôi sục. Ngày nay, nam nữ thanh niên sướng thật, yêu nhau thì lấy nhau, pháp luật bảo vệ hẳn hoi, cứ tưởng đó là cái quyền trời cho tự bao giờ. Họ không hiểu đó là kết quả lâu dài của các thế hệ đi trước đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người khỏi bao hủ tục được hưởng mọi quyền tự do. Cách nay hơn nửa thế kỉ, dưới chế độ thực dân phong kiến, có những cản ngăn khó vượt và biết bao bi kịch tình yêu

đôi lứa đã xảy ra rất đau lòng. Cha má tôi ở trong hoàn cảnh đó. Hai người thương nhau nhưng gia đình bên nội tôi có mặc cảm về chuyện môn đăng hộ đối, nhờ mai mối dũ lăm nhưng không được. Đến khi má lỡ có bầu, cha tôi vẫn không dám đến gặp ông ngoại – vị hương cả đứng đầu làng – vì nghe lời hăm bắn tin qua ai đó:

– “Ông gặp, ông đánh chết!”

Tôi ra đời trong nghịch cảnh: có cha – cả làng ai cũng biết – mà như không có. Má tôi chắc phải gánh nhiều điều thị phi khe khắt. Tôi không nghe nói lại nhưng cũng hiểu thân phận khổ đau của người phụ nữ thời đó chịu nhiều điều tiếng eo xèo.

Khi tôi lên bốn, ông ngoại gả chồng cho má tôi. Cha kế là ông Hai Chỏ (Lê Văn Chỏ) không còn cha mẹ, chuyên đi cắt cỏ ngựa cho một số nhà trong làng. Vì thế tôi mang họ của cha kế và có tên Lê Thị Nảo. Má tôi sanh hạ thêm một số lần, tôi là con lớn nhất, là chị Hai của bảy em nhỏ. Cha ruột tôi không dám léo hánh tới, song ông nội tôi thì thoảng đi đâu về lại ghé thăm cháu gái.

Lên bảy, tôi được ông bà ngoại cho đi học trường làng. Nhưng tôi không thích học, trốn hoài. Nhiều bữa, thầy giáo sai các bạn đến nhà tìm, kè tôi ra lớp, nhưng cũng chỉ được buổi đó thôi. Hồi đó nhân dân vùng tôi có dư luận đồn đại ác hại: *"Con gái đi học biết chữ chỉ để viết thư cho trai!"* Hiểu viết thư cho trai là xấu thì học làm chi?

Sáng sáng, lùa đàn bò ra rẫy, từ lúc đó thoả mái suốt ngày, tôi chẳng lo bị đòn, bị la vì không thuộc bài, để rẫy mực ra tập vở hoặc đi học trễ... Mấy cậu tôi rất quậy phá, gặp gà nhà ai bới mỗi ven bờ bụi lối xóm thì lén bắt rồi đem ra góc rẫy vắng, đắp đất bọc ngoài nổi lửa nướng chín rục, chia nhau ăn ngon lành. Buổi trưa, cậu Ba tôi đi cạo mủ ở Bình Thuận về qua, chở tôi về ăn cơm trưa, sướng lắm!

Như mọi cô gái trong làng, tôi ham lao động chân tay từ nhỏ, học làm đủ thứ: học cấy, học tưới và phơi thuốc rê, bắt sâu, làm hàng bông (trồng rau), cạo mủ... chỉ không chịu học chữ. Ông ngoại có lần la rầy:

– Mày học làm nhiều thứ nhưng không có chữ, sau này cực lắm con ơi!

(Quả thật, vì ít chữ nghĩa, công tác của tôi suốt hai thời kì kháng chiến sau này gặp không ít khó khăn. May mà quen lao động từ nhỏ nên tôi tham gia cách mạng dễ dàng, chịu đựng gian khổ, làm tròn mọi công tác Đảng giao).

Như bao trẻ đồng quê, tôi rất ham nghe ca hát. Một người cậu bà con có rạp hát nhỏ cho các đoàn của bầu Bàng, bầu Bo... lâu lâu về diễn ít đêm; vé hai, ba cắc (hào) nhưng không có tiền mua; tối đến tôi ngủ một giấc cho đã, tỉnh giấc mà còn nghe trống lệnh là mò ra, tìm cách chun rào “coi cộp” đoạn chót cũng đỡ ghiền. Con nít mà! Mê coi riết, ban ngày cho trâu đi ăn, buồn ngủ quá, leo lên lưng trâu có khi bị té “ịch” xuống đất đau điếng tôi mới tỉnh rụi. Sau này lớn lên, đi buôn bán cùng vài chị em bạn thân về ngang qua chợ Dĩ An, nếu thấy gánh cải lương Tân Tân hay Thanh Thanh... hát các tuồng Tam Quốc hoặc tuồng khác, thì tối đó về nhà cơm nước xong, thế nào bọn tôi cũng phải đi coi. Gánh diễn mấy tối, chúng tôi có mặt đủ mấy tối, không vắng tối nào, dù trời mưa gió, đi bộ cả đi lẫn về xa hơn chục cây số... Ông ngoại tôi cũng ham văn nghệ, các đoàn hát về làng

vào dịp lễ kì yên hoặc đầu xuân đều được ông đãi dâng tử tế.

Từ tuổi mười sáu tới hai mươi, tôi theo người lớn đi cạo mủ kiếm cơm. Thấy *cặp-răng*⁽¹⁾ đánh chửi, cúp phạt công nhân như cơm bữa, tôi sợ và chán, bỏ không làm nữa. Quay qua nghề bán heo mươn, tôi nhanh chóng thấy cái thất đức: phải nói dối khách mua, heo bệnh cũng dám ca là heo lành... Tôi lại bỏ, theo chị em đi bán đường tán, đường cát ở chợ Bến Cá (Bình Phước – Tân Triều)...

Tôi hoàn toàn không biết, không có khái niệm gì về cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 nổ ra ở quê tôi cũng như ở các nơi khác. Hồi này, tôi cùng vài chị đi buôn hột vịt từ đây mang ra Phan Rí, Phan Thiết bán. Mua một trăm mốt, bán một trăm mười hai có lời chút đỉnh cũng ham. Đi xe lửa ra tới ga Mương Mán, tôi chứng kiến cảnh máy bay Mĩ ném bom tàn phá: toa goong đổ ngổn ngang, đường rầy cong queo xoắn vặn, mấy dãy nhà sập đổ, hố to hố nhỏ đất đá vung vãi,

⁽¹⁾ Cai coi thợ (Bt).

thóc gạo tung tóe bữa bãi... Ra tới Phan Rí bán hàng xong, bọn tôi tính ra không có lời nếu phải mua vé xe trở về, đã tính bài trốn vé. Nhưng nhân viên xe lửa xét giấy gắt, họ phạt nặng về tội đi lậu. Một chị ngăn lại chưa cho về ngay, sau tôi vẫn quyết đi tàu lửa về Dĩ An.

Xuống ga, tôi thấy có gì khác khác trước, về tới đầu làng gặp trai gái cùng trang lứa tập "một... hai..." rầm rập. Không khí chung lập tức cuốn hút, tôi xin chị Ba Vàng vào hội Phụ nữ cứu quốc An Nhơn. Tham gia phong trào sôi nổi do ham vui vậy thôi, tôi chưa hiểu gì về tổng khởi nghĩa, về cách mạng.

Khi ta giành chính quyền khoảng một tháng, tôi nghe mấy ông lớn tuổi chuyện trò: thực dân Pháp núp bóng quân Anh quay trở lại xâm lược nước ta lần nữa. Dân An Nhơn nghe rõ tiếng súng lớn, thấy máy bay lượn lơ xa xa phía Sài Gòn; ban ngày khói bốc cuộn cuộn từng đám lớn. Ít bữa sau, mấy anh Quốc gia tự vệ cuộc (ít lâu sau đổi là *công an*) có ông Bảy Đông Tác đứng đầu, về ở nhà má tôi. Ban ám sát trừ gian đóng ở nhà các ông Hai Muốn, Năm Tầng, Sáu Tài... kế bên. Ai đi xe

dập vào làng, dân quân du kích xét không có giấy tờ thì bị bắt liền, nếu nghi là Việt gian thì đêm đó bị “chặt” luôn. Sự ấu trĩ này xuất phát từ tinh thần yêu nước, lòng căm thù bọn tay sai đế quốc, từ sự cảnh giác mong diệt hết thù trong để chống giặc ngoài cực kì hung hãn. Chắc cũng có một số người bị oan.

Cuối tháng 10/1945, quân Anh lấy danh nghĩa Đồng Minh di giải giới lính Nhật bại trận, mở đường cho quân Pháp từ Sài Gòn đi Biên Hòa. Ta huy động dân các làng ra phá hoại giao thông: đào Quốc lộ 1, làm nhiều vật chướng ngại cản xe giặc... Bà con chặt cả những bộ ván quý và nhiều thứ khác ra đường, chặt hạ cây lớn dọc hai bên đường đổ gục xuống... gây cho địch nhiều trở ngại. Làng tôi tổ chức đổ bánh bèo, nấu mấy thứ bánh khác tiếp tế cho mấy anh đào đường ở ngã tư Bình Thung.

Xe cơ giới của chúng lúc đầu chỉ dám chạy trên quốc lộ, phía trong là rừng cây mênh mông chúng chưa dám vô ngay. Nhưng đến ngày ông Táo chầu trời (23 tháng Chạp năm Ất Dậu), thì quân Pháp mở cuộc “bố hội” (càn quét lớn) toàn vùng Dĩ An. Các

nhà hội Tân Đông Hiệp, An Phú, An Nhơn... bị đốt rụi. Ở Đồng An có mấy chục người bị giết, ai nghe cũng sợ, càng căm giận quân xâm lược tàn ác dã man.

Sau khi đóng bót Dĩ An, từ tháng Giêng 1946 trở đi, lính hay càn bố. Dân sợ lính Thổ (lính người thiểu số hay Khmer, nói tiếng lơ lớ) ngang Tây trắng, Tây đen và bọn Việt gian ác ôn. Một chị bà con có đứa con nhỏ khóc ò ọ, người ta hù:

– Không dỗ nó nín, lính vô bắt đó!

Thỉnh thoảng đạn *moocche* (đạn cối) lại nã vô làng. Trước tình hình đó, trai An Nhơn một số đi kháng chiến luôn, một số sợ Tây bố thì đi Sài Gòn kiếm việc làm, ban ngày khỏi lo Tây và lính xách súng lửa ra lấp các đoạn đường bị ta huy động dân đào xới phá hoại đêm trước...

Trận dịch càn đầu tiên vào làng tôi không phải là ngẫu nhiên. Một anh Quốc gia tự vệ cuộc là người Thổ (Khmer) do bất mãn với chỉ huy, ra bót Dĩ An đầu hàng, dẫn lính vô. Anh em ta chủ quan không phòng bị, chúng vào tới nơi mới biết, bốn anh bị bắn chết ở căn nhà phía trên nhà tôi cùng với hai

dân làng. Trận càn đầu tiên ập đến, nghĩ lại có nhiều điều tức cười. Lúc đó, tôi có một, hai bộ quần áo gói trong bọc, thấy giấu chỗ nào cũng không kín, các lùm bụi quanh nhà chỗ nào cũng trống hươ trống hoác. Chúng vào từng nhà lừa gom dân ra chỗ bãi trống, một số rượt bắt heo, gà, trâu bò... Đến chiều, chúng thả số cụ già, đàn bà, con nít; bắt về bót một số đàn ông.

Ít lâu sau, lính Cao Đài lên lập bót Tân Phước ở sở đất nhà bà Tám Tỉ bên kia đường đắp. Dân ở trong vòng rào gần bót gọi là *"ở trong châu vi"* Có một lần, quân báo ta tổ chức đánh bót nhưng bị lộ. Lần khác, chúng đi ruồng trên Cây Gõ, bộ đội và du kích mai phục diệt thẳng quan hai Tây và mấy tên lính. Để trả thù, chúng tàn sát ba mươi lăm người dân, chôn chung một hố, bây giờ kêu là mả 35 (không có dân An Nhơn chết trong vụ này).

Thực hiện chính sách thâm độc "dùng người Việt đánh người Việt", Pháp ra sức phát triển lực lượng Cao Đài phản động chống phá kháng chiến. Lũ tay sai rêu rao toàn vùng Dĩ An: "Nếu ai bây giờ không vô Cao Đài thì ít nữa có nắm chéo áo cũng không cho theo" Nghĩa là chúng hăm: lính sẽ tự do bắt bớ, bắn

giết ai không theo đạo này. Một số bà con An Nhơn sống gần bót giặc muốn được yên thân đã ghi tên gia nhập, đó là thứ “*Cao Đài húa*”

Tôi vào hội Phụ nữ cứu quốc xã rồi tham gia ban Tiếp tế của Quốc gia tự vệ cuộc. Cũng như mọi người, tôi cơm nhà việc nước. Để nuôi thân và góp phụ má nuôi các em còn nhỏ, tôi đi buôn cá ở chợ Lái Thiêu, chợ Cầu Ông Lãnh (Sài Gòn). Đoàn ông liên tục bị lính xét giấy, đi lại khó khăn nhưng đàn bà con gái ít bị hỏi hay khám xét. Xe đồ đồ khách xuống ngã ba Cây Lớn (Đông Hòa), em tôi ra đón. Hàng mua về, một phần bán buổi chiều đó, còn lại sáng bữa sau bán nốt. Vừa buôn bán, tôi vừa nắm tin tức, tình hình địch, đêm mấy anh về, tôi báo cáo lại. Các anh đưa tài liệu bình dân học vụ có vắn ngược, vắn xuôi cho mình học. Tôi hầu như “chữ thầy trả lại thầy” từ hồi thôi học trường làng. Có anh hù giỡn:

– Không học thì cho đi Bắc bộ!

Chả hiểu Bắc bộ ở đâu, chỉ đoán lơ mơ chắc xa lắm, nên tôi sợ, ráng học vắn, thế mà dần dần cột quết biết đọc.

Pháp đóng bót trên nổng⁽¹⁾ quăng năm 1947, có tên Hiếu thông ngôn ác ôn, thâm độc. Nó hãm dân bà dữ lắm. Nó bắt dân, đánh chết rồi nhét vào bao bố, liệng ra rẫy thơm, không cho thân nhân người bị hại xin xác mang về chôn cất. Nó thường cùng bọn lính đi bắt dân làm xâu. Ông giáo Kim là cậu tôi, rất lanh lẹ, nhiều lần che chở cho tôi và bao người khác; dòm hướng lính vô xóm để mách mọi người chạy tránh giặc. Mỗi lần như vậy, tôi và một số anh em lủi vô rừng thơm từ sáng tới chiều mới dám về.

Từ tháng 9/1947, tôi đi thoát li luôn. Cậu tôi là Phó ban Nông hội xã, cơ quan cất nhà ở lò đường ấp 5 An Phú xã (thuộc căn cứ du kích dân quen gọi Chiến khu Thuận-An-Hòa). Từ cơ quan, cậu đi đi về về An Nhơn, lúc thì công tác, lúc lấy gạo, tiền của gia đình tiếp tế. Hồi đó, cán bộ đâu có lương bổng gì! Một số anh em An Nhơn trốn lính cũng chạy lên đó. Cơ quan cậu tôi có hai người cậu là bà con, với một chị người Mĩ Tho. Ủy ban kháng chiến hành chánh xã Tân Đông Hiệp biết tôi thạo buôn bán, giao cho làm "công tác thành",

⁽¹⁾ Phương ngữ (Pn.): gò (Bt).

nhiệm vụ chính là tìm gặp bà con quen biết sống ở Sài Gòn để vận động đóng góp ủng hộ kháng chiến. Anh Tuyển, dân Bắc, đi kháng chiến, nhờ tôi móc người anh ở Bàn Cờ. Anh Phi Long, Trưởng ban Quân báo huyện Tân Uyên, giao công tác:

– Bây biết Sài Gòn, mua thuốc Tây giùm cho quân báo.

Tôi được hai người giúp đỡ tích cực là anh ruột anh Tuyển và anh Nhạc – cả hai làm viên chức đêpô xe lửa Sài Gòn. Lần nào về, tôi cũng thấy các anh in tài liệu, truyền đơn bằng bột. Cứ sáng tới đưa tiền và toa bác sĩ, thì các anh hẹn quăng 12 giờ trưa tới *pharmacxi*⁽¹⁾ (tiệm thuốc Tây) nào đó nhận hàng. Ban đầu, phải có người dẫn đi, lâu dần quen đường tôi đến một mình. Buổi trưa vắng khách, người bán hàng mở các hộp ra, lấy giấy vấn kĩ các ống thuốc nước, bơm tiêm... rồi đóng lại như cũ; mỗi lần ít nhất một bao đệm đầy! Chết lên xích lô, tôi ra bến xe ngựa đi Thủ Đức rồi lên Bình Chiểu (xã Tam Bình), băng qua lò than về Bình Hòa, có người ra đón mang hàng lên Thuận-An-Hòa. Thuốc men là đồ quốc cấm,

⁽¹⁾ Pharmacie (Bt).

nó mà xét thấy nó bẩn bỏ tại chỗ! Vậy mà tôi làm gần hai năm. (Sau này, tôi rất bức vì có người bắt mình đi mua thuốc giá rẻ, về họ tính với đơn vị giá gấp mấy lần mà không chi cho mình đồng xu các bạc nào. Thế mới biết: ngay trong lúc khó khăn gian khổ ấy, mọi người sẵn sàng hi sinh cho cách mạng, vẫn có kẻ cơ hội trục lợi len vào!)

Đồng chí bí thư Tân Đông Hiệp tạo điều kiện cho tôi bán quán cà phê ở ấp 5 Lò Đường để sinh sống. Ủy ban kháng chiến hành chánh (UBKCHC) xã không cho tôi đi mua thuốc Tây nữa, tôi mới giới thiệu chị Tư Gia – quân báo – đi nhận cơ sở mua giùm thuốc. Chị đi được mấy tháng thì bị bắt.

Từ năm 1948, địch nhiều lần càn quét căn cứ Thuận-An-Hòa. Cơ quan cậu tôi bị đốt phá chín lần. Bà con ở chợ Tuy An tản cư bỏ đi nơi khác. Bọn tôi dỡ ngói gác về lợp nhà, riết rồi cũng bị phá. Đồng chí bí thư nói:

– Ở rời rạc kiểu này không được, phải tập trung về một chỗ thôi!

Ở An Nhơn, địch gom dân vào “*chu vi*”, nghĩa là bắt dân cư trú quanh phía ngoài bót; làm rào chắn bảo vệ chúng nếu lực lượng vũ

trang ta từ ngoài đánh vào; là nguồn cung ứng mọi thứ cho chúng. Gia đình mấy cậu tôi ở trong “*châu vi*”, thỉnh thoảng mua chục gạo lúa xay làm gạo lứt. Ban đêm mấy ổng về đem lên An Phú xã, già trắng bán cho dân và bộ đội, cán bộ. Tiền lời thì chi tiêu ăn uống, vốn lại mang về cho nhà quay vòng.

Đầu năm 1949, huyện Thủ Đức mở khóa đào tạo y tá. Mấy anh ở xã giới thiệu tôi đi học. Hồi nhỏ mình có học hành chi đâu, may sau anh em cán bộ thương mình, bắt học chút đỉnh nên chữ biết, chữ không. Bây giờ được cử đi học, tôi thấy khó quá! Trước đó, anh Tư Rình, người An Phú xã, và một anh nữa dạy tôi học chữ, làm tính cộng, trừ. Bận buôn bán nhưng cũng ráng học nên tôi biết chút đỉnh, không đến nỗi mù tịt như lúc mới đi thoát li. Khi Ủy ban kháng chiến hành chánh xã chính thức quyết định, tôi nói với mấy anh:

– Xã mình bảy, tám ngàn dân thiếu gì người biết chữ; cán bộ phụ nữ cũng mười mấy người sao không đưa, lại đưa tôi đi?

– Chị đi được, chúng tôi viết thư giới thiệu!

Anh Sáu Ngộ có trình độ trung học Pháp bằng rừng qua nơi tôi ở, dạy cho từ tám giờ sáng đến mười hai giờ trưa thì tôi thuộc hai mươi mấy tên thuốc Tây, trong đó có nhiều món tôi đã mua cho quân báo trước đây. Chiều đó, tôi cùng anh Hiếu xuống Long Bình rồi tối nghỉ ở Long Phước. Chín giờ sáng hôm sau, chúng tôi tới Phước Lai (thuộc huyện Nhơn Trạch bây giờ). Trạm y tế Thủ Đức đóng ở đó. Chị Huệ – phụ trách trạm – bảo tôi tắm giặt, nghỉ ngơi cho khỏe.

Bước vào khóa học, tôi đâu có học được lý thuyết, chẳng ghi chép được gì ráo, chỉ nghe nhập tâm vài điều. Học thực hành dễ hơn: ban đầu cả lớp tập rửa vết ghẻ, rồi rửa và băng bó vết thương, giặt quần áo và tã lót cho bà đẻ... Dần dần tôi mới học chích. Mấy anh ở xã đi họp, quan tâm ghé qua thăm, hỏi chị Huệ phụ trách lớp học:

– Chị Hai Nảo học được không?

– Chị ấy ít chữ nhưng học khá lắm, thực hành tốt lắm!

Một lần chị Huệ hỏi tôi:

– Ở nhà, chị làm công việc gì? Biết tên thuốc không?

– Tôi công tác ở xã, không biết chữ mấy nhưng có một anh dạy cho một số tên thuốc...

Chị mừng quá, tính xin tôi ở lại đây công tác để đào tạo tiếp. Máy anh ở xã viết thư trả lời, đại ý: Tân Đông Hiệp đang có bệnh sốt rét dữ, để chị Hai Nào ở dưới, trên này anh em chết hết thì sao? Cho chị ấy về phục vụ địa phương...

Học xong khóa 29 ngày, tôi về lại xã. Huyện cấp thuốc chủng đậu ngừa cho dân. Hồi đó, các bệnh đậu, dịch tả, sốt rét, kiết lị... là những bệnh thời khí phổ biến. Nền y tế kháng chiến non trẻ tuy có nhiều khó khăn về thuốc men, song lo phòng được bệnh nào, quí thứ đó. Bác sĩ Hóa ở đơn vị 306 và anh y tá Vàng đi cùng tôi. Dân tập trung đông ở ấp Đông Nhì, một mình tôi chủng đến tháo mồ hôi hột. Bác sĩ phải đề nghị bà con cho giải lao xả hơi ít phút. Hai ba ngày sau tôi không xuống, mấy anh cán bộ văn hóa – thông tin thấy một số dân bị sốt do thuốc *hàn*; về đến cơ quan, hăm tôi:

– Chích người ta làm sao mà bây giờ bệnh

la liệt. Thế nào cũng phải đi trại giáo hóa (tức đi cải tạo)...

Tôi hoảng, lên văn phòng đơn vị 306 gặp bác sĩ Hóa:

– Tôi chủng đậu sao bây giờ bà con bệnh dữ vậy?

Mấy ảnh cười:

– Nếu có phản ứng là thuốc tốt đó; thuốc không phản ứng làm gì có giá trị.

Bấy giờ mình mới an tâm, thở phào trút được nỗi lo.

Lúc đi học, tôi còn được hướng dẫn cách chế thuốc trị sốt rét. Mỗi người một ngày phải uống bốn viên kinacrin, nay chế để chích thì chữa được cho hai người, dù thuốc khan hiếm khó mua mà vẫn có tạm đủ để chữa trị cho người bệnh.

Từ An Phú xã về An Nhơn lối bốn cây số, nếu đi Đông An, Đông Nhất, Đông Nhì thì khoảng bảy cây. Đêm nào tôi cũng lặn lội các ấp do tình hình vệ sinh kém, bệnh ghẻ hờm lan tràn rộng. Tuy không chết, song người mắc ghẻ ngứa gãi luôn tay làm trầy trụa da, máu mủ rất tanh hôi bết vào quần áo khó giặt (lúc

đó xà bông ít, nhiều người không có tiền mua). Bọn con nít thấy tôi thì sợ lắm, người lớn cũng ngán vì mình phải dè ra chùi rửa, xúc thuốc. Cứ vậy, bệnh ghẻ hờm từng bước bị đẩy lui rồi biến mất.

Anh Phú, cán bộ văn hóa – thông tin, cho hay: chị Ba Gừng bị áp xe do vết chích nhiễm trùng. Bác sĩ ở thành đòi ba ngàn đồng mới nhận chữa. Đó là món tiền quá lớn hồi đó. Chị Ba nghèo không có tiền, đau nhức la khóc đêm ngày. Tôi tới coi, mình chỉ có cái *panh* (kẹp) để gắp kim chích và *xơanh* (bơm tiêm), mới mua thêm lưỡi *lan* (cạo râu) đem khử trùng bằng cồn đúng bài bản; rồi động viên chị ráng chịu đau để tôi mổ. Lau rửa cẩn thận, thay băng hàng ngày, mấy bữa sau chị lành. Đến bây giờ, mấy người lớp tuổi tôi hoặc lớn hơn một chút nhớ lại còn quý mình. (Nếu là bây giờ, chắc chẳng ai dám làm như thế, nhưng lúc đó vì thương chị em và cũng tự tin thực hành đúng điều đã học nên tôi dám *uống mật gấu* và làm có kết quả).

Anh Đặng Văn Hai, bí thư chi bộ, nhỏ hơn tôi một tuổi, có lần nói vui:

– Chỉ nhìn chị quét nhà, tôi thấy đã có thể giới thiệu chị với tổ chức...

Chắc ảnh nói quá, chớ chi bộ liên tục theo dõi, giáo dục, thử thách thực tế qua việc giao công tác cho tôi từ lâu. Thấy tôi hội đủ tiêu chuẩn nhất định, tháng 3/1949, chi bộ Tân Đông Hiệp xét kết nạp tôi vào đội ngũ tiên phong. Việc tuyên truyền và thủ tục kết nạp hồi đó rất đơn giản. Hai đồng chí giới thiệu là bí thư Đặng Văn Hai và chủ tịch xã Nguyễn Văn Trừng. Lễ kết nạp tổ chức ở cơ quan UBKCHC xã tại ấp 3 Lò Đường, An Phú xã; chỉ có mặt vài đồng chí trong chi bộ. (Lúc đó Đảng rút vào bí mật, không cho người ngoài Đảng biết ai là đảng viên; mỗi khi chi bộ sinh hoạt thì cử anh em trong cơ quan đi công tác hết). Tôi rất phấn khởi vì cơ quan phụ nữ xã có hơn một chục chị em, mới có mình tôi là đảng viên, chuyên làm công tác y tế.

Bốn giờ sáng dậy, tôi lo nấu cơm chuẩn bị, nếu dịch đi càn thì mọi người vọt vào rừng; nếu yên tôi mới xếp dụng cụ để làm việc. Căn cứ du kích Thuận-An-Hòa lớn mà ngành y tế không có người, tôi phải gánh luôn các xã An Phú, Bình Hòa... Chỗ tôi có thêm một chị giao liên ở cùng, kế bên là cơ quan phụ nữ xã có hơn chục chị. Anh Tư Bảo phụ trách Thanh niên cứu quốc xã Tân Đông Hiệp

toàn nhờ tôi nấu ăn giúp cho các đoàn ở Thủ Đức đi Hồ Bò (Củ Chi) ghé ngang qua.

Gần giữa năm 1950 bị bệnh, tôi chuyển về ở gần làng; nếu cứ ở căn cứ An Phú xã thì không có điều kiện chữa trị.

Tháng 5/1950, anh xã đội trưởng Tân Đông Hiệp và chú tôi, ủy viên xã hội của UBKCHC xã, bị Tây đi càn bắn chết. Chị Nở, đoàn trưởng Phụ nữ cứu quốc xã, bị bắt. Xã củng cố ban chấp hành phụ nữ, tính đưa tôi qua phụ trách rồi lại thôi. Ngày 28/10, đồng chí bí thư chi bộ từ An Phú xã về thăm, tôi đang nằm trong chòi ở rừng thẳm gần nhà. Anh động viên tôi ráng chữa trị. Chiều hôm đó, anh bị địch phục kích bắn chết trên đường đi lên căn cứ. Tôi bị bệnh do kiệt sức, hồi đó có gì bồi dưỡng đâu. Có cơm, rau, mắm là quý; tuy làng tôi bán heo nhưng ít người có tiền mua thịt ăn hàng ngày.

Chiều ngày 11/11, tôi đang lúi húi sắc thuốc ở chòi thì mấy chị cơ sở ở trong làng ghé thăm:

- Uống thuốc đi cho bọn tao còn về kéo tối.

– Còn nóng mà, em thửng thỉnh uống.
Mấy chị cứ về đi.

Trời nhá nhem nhìn không rõ mặt người. Tây và lính đi tuần cách chòi một khúc, chắc chúng nghe tiếng bọn tôi chuyện trò xôn xao nên sục vào. Vừa phát hiện chúng, tôi vọt chạy mấy bước ra tới cây chuối, nghe súng nổ “bốp” Tôi lúi vào bụi tầm vông, nhào đại vô trống. Tây và lính vào hỏi, mấy chị trả lời:

– Không thấy ai hết...

Mấy tên theo dấu chân tôi nhưng trời tối nên chúng không phát hiện ra. Chun vô bụi, tôi dòm thấy chúng lơ mờ, nhắm mắt lại tính thâm trong bụng: “Nếu nó kêu ra, mình sẽ chửi để nó bắn tại chỗ, không để nó dẫn về đồn...” Nằm hoài, chúng rút bao giờ không hay, tôi cứ nằm nghe động tĩnh. Trăng sáng vằng vặc. Kiến nghe mùi máu, bu vào vết thương phần mềm ở mông rất ngứa. Im ắng bao trùm xóm làng, nhiều bà con chắc đã yên giấc sau một ngày vất vả, lo toan, khiếp sợ. Tôi đứng dậy, viên đạn trúng mông phá một lỗ bự, đau lắm. Rút khăn rằn vắt chặt lại, tôi lần theo hàng ranh đường mòn thì nghe tiếng lao xao. Em tôi cùng một chị và anh Luận, cơ

sở, từ trong chu vi nghe tiếng đập gai rào
thơm và chà tre gãy, bèn hỏi:

- Có sao không?
- Bị thương chớ sao!
- Nặng hay nhẹ?
- Nhẹ thì mới đi tới đây; nặng làm sao đi!...

Máu tuôn ra làm tôi muốn xỉu. Mấy anh
chị đỡ tấm ván căn nhà bỏ trống gần đó, đặt
tôi nằm lên. Anh Luận hỏi:

- Có muốn đưa lên chiến khu không?
- Mình bị thương, Tây càn bố ở trên hoài,
nó vô ai khiêng tôi chạy?

Tôi bảo mấy anh chị về trong “chu vi”
kiếm bông, băng, thuốc đỏ... và dặn:

- Mấy anh chị qua rừng thơm bà Vải, coi
có chỗ nào trống, không có dấu chân ai đi tới
mà chồi nhiều, mấy người làm cho tôi hai tấm
băng đưa tôi qua đó. Chiều đến, cho y tá
xuống rửa rồi thay băng cho tôi...

Em gái thứ tư của tôi ở Long Phước về
chơi, xuống thay băng cho tôi. Ít bữa sau, tôi
tự thay băng, chích thuốc. Chiều chiều, em tôi

và anh Luận làm củi xong, giở cơm mang cho tôi. Họ ở lại cùng tôi ban đêm. Bốn giờ khuya, họ dậy chẻ củi cao su bán. Tới ngày 28/11/1950, vết thương lành được tám chục phần trăm.

Cậu Chín tôi từ An Phú xã về địa phương vào dịp gần Tết, mời một số cơ sở ra rừng thơm, chuẩn bị cho ngày kỉ niệm thành lập Đảng. Tôi qua đó thì đã có hơn một chục người gồm cán bộ xã, trinh sát và cơ sở mật. Anh em bẻ bông trang trí rồi làm lễ. 12 giờ trưa, mọi người giải tán. Anh Hai Phước, xã đội trưởng, cậu Chín (Trần Ngọc Chí) Phó chủ tịch xã phụ trách nông hội và tôi ở lại. Đứa em út của tôi là Út Dừa, mới khoảng mười tuổi, quanh quẩn gần đó. Tôi nhờ:

– Em à, về nói với má mua cho chị vài cái bánh tráng.

Bà già mua xong, nó dùng dằng không muốn đi; ná giàng thun (bắn chim) treo gần cổ, nó phụng phịu:

– Cứ bắt con đi hoài! Con đi lần này nữa là thôi đó, má à!

Tôi giảng võng nằm. Một số chị làm củi, cơ sở mật bảo vệ cuộc mít tinh, có mặt: chị Dị,

chị Sét, chị Khói... Cậu Chín nằm ở đường mương, gần chỗ anh Hai Phước. Mấy chị ngồi làm củi. Khoảng hơn hai giờ chiều, bọn lính đi tuần thấy khói xông củi và tiếng chẻ củi “cộp, cộp” mới lần theo đường cộ vô. Thằng Tây cao to đi đầu, tôi vừa phát hiện, la to: “Tây!” nó nổ súng liền. Lính bắn tiếp tới tấp. Tôi lập tức nhào vào mấy lùm bụi. Nghe súng chát chúa, ở nhà má và em tôi đoán:

– Thôi rồi, tụi này chắc chết hết rồi!

Hồi lâu sau, lính rút hết về bót, em gái thứ ba tôi từ nhà tông lên. Út Dừa chết nằm đó. Hai chị bị thương đang rên, một chị bị bắt đi. Nó hỏi:

– Cậu Chín đâu? Chị có sao không?

– Chị không sao. Cậu Chín có khi bị địch bắn chết rồi. Súng nổ, tao nghe ông “châm” tiếng Tây chửi nó, có khi nó bắn chết ổng ở bên kia...

Quả vậy, ông nằm im lìm cách đó không xa, máu đông cứng vết lỗ đạn. Bà con dân ấp lo lên xă xin ban hội tề và bót cho chôn cất mấy người chết. Gia đình ông ngoại vợ Tư Luân ở trong “chu vi” cho mượn cái hòm (để giành sẵn cho ông già) chôn cậu Chín. Anh em

trên xã về đưa tôi lên căn cứ An Phú xã. Ít lâu sau, tôi mạnh hẳn, được chi bộ bố trí qua công tác phụ nữ.

Chiều mừng 7 tháng Tư ta năm 1951 (tức 12/5/1951), tôi đi công tác ở Dũng Việt (thuộc ấp Đông Chiêu), tính tới đó đột về An Nhơn tiện thể dịp gia đình cúng trăm ngày cho cậu Chín và Út Dừa. Địch thường phục ở hai mặt: đầu sở Vĩnh Thiện hoặc vườn ươm ngả rừng Sáu Mầu. Tôi lọt vô ấp, gặp ông trưởng ấp Tư Ki, thợ đắp ô xe lửa Dĩ An. Ông đã ăn cơm chiều, đang bưng ổ trứng gà nhúng vào nước xem có trống hay không:

– Bữa nay xuống đây có chuyện chi?

– Xuống bàn với chú lát nữa mời một số bà con lại...

Trời nhá nhem không còn nhìn rõ mặt người. Tây và lính di ngoài đường, tiếng giày đinh lộp cộp. Tôi còn ôm bọc quần áo bên trong giấu tài liệu. Bà Tư đang đốt nhang ở trang thờ, ngoài đường chợt súng nổ ran “bốp! bốp!”, bà trúng đạn đổ sụm chết liền. Một tên la to:

– Việt Minh chạy! (hòng lấp liếm việc vô cơ bản chết dần).

Tôi dính một viên vào chân, bò lại gần bếp lửa, móc bó tài liệu vùi vào tro than đỏ. Ông Tư còn tá hỏa vì vợ chết đột ngột, cúi xuống nâng xác bà lên thì lính ủa vào, xúm đánh ông túi bụi, cũng động cho tôi mấy báng súng. Chúng tra khảo:

– Mày đi đâu?

Tài liệu đã thủ tiêu, bọc quần áo quăng vào một góc rồi. Chúng đưa tôi về bót Dĩ An (ở khu nhà *phủ* Lố cũ). Nếu bị đưa qua bót Cao Đài chắc tôi chết vì bọn này biết về tôi khá rành, tuy mình chẳng giữ cương vị đáng kể nào; chúng biết tôi là y tá, là cán bộ phụ nữ Việt Minh (bọn Cao Đài phản động thường nói ra mồm: chúng không đội trời chung với Việt Minh).

Đi *patr'ui*⁽¹⁾ (tuần tra) về, một tên xách roi cặc bò đánh liên tôi mấy cái. Tôi có giấy *létxê-patxê*⁽²⁾ ở Biên Hòa nên trả lời:

– Tôi ở đợ ở Biên Hòa, về thăm cậu tôi.

⁽¹⁾ Patrouilleur (Bt).

⁽²⁾ Laissez-passer: giấy thông hành.

– Không phải, mà nghe quan Tây đi, mà chạy báo cho Việt Minh.

– Dạ, không phải. Tôi là con nít, đi ở đợ, về thăm...

Vóc tôi nhỏ thó giống con nít thiệt. Nó quất mấy roi đau điếng rồi cho y tá băng vết thương, xong xuôi tổng vào khám. Đó là một căn phòng vuông vức mỗi bề một thước tây. Khoảng 12 giờ đêm, hai thằng Tây đến đập cửa rồi xô vào. Một thằng cầm cái panh và thuốc đỏ, đè tôi vào tường. Tôi la to kêu cứu. Từ nhà lầu, bọn Tây kéo xuống, lôi hai thằng ra rồi đóng mạnh cửa. Đêm đó tôi thức trắng, phấp phồng lo cho thân gái sa chốn hang hùm. Ngồi đã rồi đứng, đứng mỏi chân lại ngồi. Khát khô cổ, sáng ra dòm qua khe cửa thấy mấy chị vợ lính Thổ đi ngang, tôi xin nước uống. Mấy chị này không dám, mới bảo một tên lính Thổ, nó đem cho một ca.

1 giờ chiều, bọn điều tra kêu tôi lên. Lúc đó, tôi mặc bộ bà ba vải ú đen. Một tên nghiêng ngó ngắm hoài rồi dụ:

– Có gì mà nói thiệt đi, tao thả. Nếu mà không khai, nó ỳnh⁽¹⁾ mà chết.

⁽¹⁾ Ừnh: đánh.

- Dạ, tôi đâu biết gì.
- Mà thấy mấy thằng Việt Minh chạy?
- Dạ, hai người.
- Mà thấy chúng mang súng gì?
- Dạ, một ông mang súng cụt, một ông mang súng dài...

Mình trả lời đại theo cách nó mớm cung. Nó vọt mấy roi cặc bò rồi lấy xe ô tô chở tôi lên bót công an đặc biệt chỗ hồ nước Thủ Đức. Bọn đơdèm (phòng nhì) thì ở khu tiệm rượu. Bây giờ đi ngang mấy chỗ đó, lớp trẻ ít ai biết, chớ xưa kia đó là những địa ngục tra tấn khét tiếng một thời.

Bọn Dĩ An giao tôi cho thằng cò Tây và lính Thổ rồi lên xe về. Bọn này sửa soạn các dụng cụ tra tấn. Phòng hỏi cung này khá rộng. Thằng cò Tây ra lệnh bắt tôi cởi hết quần áo. Mới đầu bản năng thẹn thò của phụ nữ khiến tôi mắc cỡ, nhưng rồi phải y lệnh thôi. Mấy bữa trước tôi còn sốt, đang chích kinôblo⁽¹⁾. Tôi nằm dài trên tấm ván hẹp, chúng trói chặt chân tay lại. Bắt đầu, chúng châm điện nhiều chỗ: chân tay, vú, cửa mình...; mỗi lần điện

⁽¹⁾ Quinobléu: trị sốt rét.

truyền qua cơ thể, tim óc tôi tê dại, tá hỏa. Tôi xỉu đi lúc nào không biết; chúng xối nước cho tỉnh lại. Tiếp đến món di máy bay: chân tay tôi bị trói thúc kè rồi hai thằng rút dây mắc vào cái ròng rọc cho thân mình lơ lửng toòng teng. Các cơ bị căng ra đau xé, nơi cột dây rất bỏng rồi mất cảm giác. Bốn thằng vạm vỡ như bốn con trâu mộng đứng bốn góc, thi nhau ra đòn tứ trụ. Tôi văng từ góc nọ qua góc kia, liên tiếp chịu những cú đấm búa bổ, bụng nghĩ thầm “*chắc chết thôi!*” Để khỏi chịu đau đòn kéo dài, tôi cắn lưỡi định tự vận. Phát hiện được máu trong miệng tôi chảy, chúng thả dây, lấy kèm và cây sắt. Tôi quyết không há mồm, chúng cố thọc cây sắt vào giữa hai hàm làm tôi gãy một cái răng. Tên đồ tể Tám Lùn ác ôn, tôi không biết tên thật của nó mà chỉ nghe kêu như vậy, tức bực đập cây kèm vào màng tang tôi chảy máu.

Bọn điều tra bỏ tôi nằm đó riết tới năm giờ chiều. Chúng cho mấy anh “tội” – một cách gọi tù khác đi – bị bắt tình nghi, đi làm về, vô coi tôi còn sống hay chết. Mắt tôi nhắm nghiền, tai nghe rõ câu trả lời:

– Chị ấy chết rồi, thầy Tám.